

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
BỘ TRƯỞNG
Số: 243/CT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 1991

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng vùng kinh tế mới Đức Liễu, tỉnh Sông Bé

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Xét dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế mới Đức Liễu, tỉnh Sông Bé (tờ trình số 6-UB/TT ngày 27 tháng 4 năm 1991 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (tờ trình số 27/LĐTBXH ngày 23-7-1991),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng vùng kinh tế mới Đức Liễu theo các nội dung và mục tiêu chủ yếu sau:

- Tên dự án: Vùng kinh tế mới Đức Liễu (huyện Bù Đăng) tỉnh Sông Bé.
- Chủ quản đầu tư: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chủ đầu tư: Do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ định, theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé.

3. Phạm vi vùng dự án:

Bao gồm địa dư của 3 xã: Nghĩa Trung, Ninh Hưng, Đoàn Kết và một phần của xã Thống nhất huyện Bù Đăng, tỉnh Sông Bé (kèm theo bản đồ tỷ lệ 1/25.000).

Tổng diện tích tự nhiên của vùng: 35.040 hécta.

Trong thời kỳ 1991-1995 tập trung thực hiện tiểu vùng ngã ba Đức Liễu với diện tích tự nhiên: 8.750 hécta.

4. Mục tiêu, nhiệm vụ:

a) Toàn vùng (35.040 hécta) thực hiện đến năm 2000:

Khai hoang đưa vào sản xuất nông nghiệp 9.433 hécta để trồng mới 7.983 hécta điều, 480 hécta cao su, 270 hécta lúa, 700 hécta màu và cây công nghiệp ngắn ngày và có thể trồng dâu,

trồng bông tùy chủ đầu tư lựa chọn.

Bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh rừng đầu nguồn và nguyên liệu giấy: 10.145 héc ta.

Phân bố lại lao động, dân cư: 3.800 hộ, 8.000 lao động, 20.000 nhân khẩu, trong đó đón dân ngoài tỉnh 3.500 hộ, 7.200 lao động, 18.000 nhân khẩu (gồm 500 hộ từ thành phố Hồ Chí Minh, 3.000 hộ từ các tỉnh phía Bắc).

Giải quyết việc làm cho 1.150 lao động.

b) Tiểu vùng ngã ba Đức Liễu (8.750 héc ta), thực hiện thời kỳ 1991- 1995:

Khai hoang đưa vào sản xuất nông nghiệp 3.090 héc ta để trồng mới 2.294 héc ta điều, 480 héc ta cao su, 116 héc ta lúa, 200 héc ta màu hoặc loại cây khác có hiệu quả.

Bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh rừng đầu nguồn và nguyên liệu giấy: 2.610 héc ta.

Phân bố lại lao động, dân cư: 1.450 hộ, 3.594 lao động, 9.000 nhân khẩu, trong đó đón dân ngoài tỉnh 1.150 hộ, 2.300 lao động, 5.000 nhân khẩu (gồm 500 hộ từ thành phố Hồ Chí Minh, 650 hộ các tỉnh phía Bắc).

Giải quyết việc làm cho 4.306 lao động.

5. Đầu tư cơ bản:

Ngoài các nguồn vốn liên doanh, liên kết, vốn tín dụng đầu tư, vốn viện trợ quốc tế, vốn của dân..., tổng số vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thời kỳ 1991 - 1995: 3.000 triệu đồng, bao gồm:

Đầu tư hỗ trợ ban đầu cho khai hoang xây dựng đồng ruộng: 200 triệu đồng.

Làm mới đường trục nội vùng (có 1 cầu và 4 cống qua đường): 500 triệu đồng.

Xây dựng một hồ chứa nước tưới 50 héc ta: 208 triệu đồng.

Xây dựng một số chương trình phúc lợi công cộng gồm: 150 m² trạm xá, 800 m² trường học: 332 triệu đồng.

Giếng nước sinh hoạt: 120 triệu đồng.

Xây dựng hệ thống điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt gồm: 16 km đường dây 35 KW từ Đông Xoài đến Bù Đăng và 1 trạm hạ thế 35/10 KV: 960 triệu đồng.

Bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh rừng đầu nguồn và nguyên liệu giấy 2.610 héc ta: 30 triệu đồng.

Kinh phí sự nghiệp chuyển dân: 580 triệu đồng.

Kiến thiết cơ bản khác: 70 triệu đồng.